

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 9 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Bê

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc “ ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1985 (*có mặt*);

HKTT: K p 3, t t T 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp N T, xã Đ H A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1984 (*có mặt*);

Địa chỉ: K p 3, t t T 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2020 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị D và anh T kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thứ 11. Trong quá trình chung sống không hợp nhau, anh T uống rượu về nhà chửi chị, ghen tuông vô cớ, dùng lời lẽ thô tục xúc phạm chị. Thời gian gần đây mâu thuẫn

vợ chồng xảy ra ngày càng gay gắt không tháo gỡ được, chị ly thân với anh T từ ngày 05/3/2020 cho đến nay.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Phạm Duy N, sinh ngày 06/4/2008, Phạm Duy T, sinh ngày 06/4/2008, hai con chung hiện nay sống chung với anh T.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp.

- Về nợ chung: Không nợ ai.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

- Về con chung: Giao hai người con chung tên Phạm Duy N, sinh ngày 06/4/2008, Phạm Duy T, sinh ngày 06/4/2008 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ: Không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

*** *Tại biên bản hòa giải ngày 24/6/2020 bị đơn anh Phạm Ngọc T trình bày:***

- Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, ly thân nhau, con chung, tài sản, nợ và thời gian ly thân là đúng như lời trình bày của chị D.

Nay theo yêu cầu của chị D, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh T đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung tên Phạm Duy N, sinh ngày 06/4/2008, Phạm Duy T, sinh ngày 06/4/2008, yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/người, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Trường hợp Tòa án xét xử cho ly hôn thì anh yêu cầu chia tài sản chung. Tài sản chung gồm có: 06 công đất trồng lúa do cha mẹ ruột tặng cho, một nền nhà chiều ngang 06 mét, chiều dài 40 mét, hiện có căn nhà bằng gỗ, lợp tol, nền gạch, hiện nay cha anh tên Phạm Ngọc D đứng tên giấy chứng nhận QSD đất (cha chết khoảng 10 năm nay), diện tích đất trồng lúa hiện nay anh Triệu Thanh N (ở k p 3, t t T 11) thuê thời hạn 10 năm, đến năm 2028 hết hạn; một chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH, biển số 68M7 - 19730 do anh đứng tên, hiện nay chị D quản lý, một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số (không nhớ), màu đỏ, hiện nay anh đang quản lý, xe chưa được cấp giấy chứng nhận; chị Phạm Thị N (ở k p 2, t t T 11) nợ 24.000.000 đồng; tiền lĩnh hội 17.000.000 đồng chị D quản lý; hai bộ vòng simel 14 chiếc

(không biết bao nhiêu chỉ) hiện chị D quản lý và một thẻ AGRIBANK không biết bao nhiêu tiền chị D quản lý. Ngày 29/6/2020 anh T sẽ nộp đơn yêu cầu chia tài sản, nếu anh không nộp thì coi như anh không yêu cầu chia tài sản.

- Về nợ: Không nợ ai.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu.

- Bị đơn anh Phạm Ngọc T không chấp nhận ly hôn với chị D, trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì anh xin được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản không tranh chấp; về nợ không có không yêu giải quyết.

- *Kiểm sát viên phát biểu:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Phạm Ngọc T; Giao hai người con chung tên Phạm Duy N, sinh ngày 06/4/2008, Phạm Duy T, sinh ngày 06/4/2008 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; tài sản và nợ chung không tranh chấp và không nợ ai nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự và phiên tòa được mở ngày hôm nay.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Phạm Ngọc T chung sống với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thứ Mười Một nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau, anh T uống rượu về nhà chửi chị D, ghen tuông vô cớ, dùng lời lẽ thô tục xúc phạm chị D. Thời gian gần đây mâu thuẫn giữa chị D và anh T xảy ra ngày càng gay gắt dẫn đến chị D và anh T ly thân với nhau từ ngày 05/3/2020 cho đến nay. Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 04/9/2020 thì xác định được, tình cảm giữa chị D và anh T phát sinh ngày càng trầm trọng.

Mặt khác, từ sau khi Tòa án mở phiên họp hòa giải đến nay anh T không thể hiện được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, hôn nhân giữa chị D và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, sau khi thảo luận, nghị bàn, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn với anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Phạm Ngọc T xác định: Có hai người con chung tên Phạm Duy N, sinh ngày 06/4/2008, Phạm Duy T, sinh ngày 06/4/2008 hiện tại anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D và anh T thỏa thuận và thống nhất: Giao hai người con chung tên Phạm Duy N, sinh ngày 06/4/2008, Phạm Duy T, sinh ngày 06/4/2008 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, sự thỏa thuận của chị D và anh T là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tân và cháu N tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2020, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao hai người con chung tên Phạm Duy N, sinh ngày 06/4/2008, Phạm Duy T, sinh ngày 06/4/2008 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu, chị D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

- *Về quan hệ con chung*: Giao hai người con chung tên Phạm Duy N, sinh ngày 06/4/2008, Phạm Duy T, sinh ngày 06/4/2008 cho anh Phạm Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D không cấp dưỡng nuôi con chung

- *Về quan hệ tài sản và nợ chung*: Chị D và anh T xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0007831 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị D đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm có mặt, báo cho chị D và anh T biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND thị trấn Thứ 11;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới